



PHỤ LỤC

(Xem theo Thông báo số 331 /TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của UBND xã)

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh		Thời điểm tính gần biên chế	Phụ cấp tháng hiện hưởng (hệ số phụ cấp)	Số tiền hỗ trợ đối với người nghỉ ngay theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)					Số tiền hỗ trợ đối với người đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định nghỉ ngay theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)	Tổng cộng tiền hỗ trợ được nhận (đồng)	
							Số tiền trợ cấp 1 lần (đồng)	Trong đó			Trợ cấp theo số năm công tác (đồng)			Trợ cấp tìm việc làm (đồng)
								Dưới 05 năm công tác (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (đồng)				
	TỔNG CỘNG						4.464.813.600	740.376.000	815.349.600	2.909.088.000	2.049.225.750	343.980.000	958.230.000	7.816.249.350
I	Chế độ đối với người có dưới 05 năm công tác (điểm a khoản 1 Điều 10 NĐ 154)						740.376.000	740.376.000	-	-	122.762.250	53.352.000	-	916.490.250
1	Y Phong Kpă	Nam	10-12-1988	30/6/2026	1,55		159.588.000	159.588.000			27.202.500	10.881.000		197.671.500
2	Nguyễn Văn Tụ	Nam	10-10-1970	30/6/2026	1,55		147.981.600	147.981.600			24.482.250	10.881.000		183.344.850
3	Phan Ngọc Hậu	Nam	09-03-1971	30/6/2026	1,55		147.981.600	147.981.600			24.482.250	10.881.000		183.344.850
4	Lê Tấn Công	Nam	11-09-1973	30/6/2026	1,55		153.784.800	153.784.800			24.482.250	10.881.000		189.148.050
5	Trần Hòa	Nam	05-10-1972	30/6/2026	1,4		131.040.000	131.040.000			22.113.000	9.828.000		162.981.000
II	Chế độ đối với người có từ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (điểm b khoản 1 Điều 10 NĐ 154)						815.349.600	0	815.349.600	0	750.789.000	108.810.000	0	1.674.948.600
1	Bùi Công Trình	Nam	10-12-1967	30/6/2026	1,55		121.867.200		121.867.200		84.327.750	10.881.000		217.075.950
2	Đào Văn Ty	Nam	18-06-1965	30/6/2026	1,55		17.409.600		17.409.600		84.327.750	10.881.000		112.618.350
3	Lý Quang Dự	Nam	26-06-1968	30/6/2026	1,55		139.276.800		139.276.800		59.845.500	10.881.000		210.003.300
4	Đặng Văn Minh	Nam	10-10-1966	30/6/2026	1,55		81.244.800		81.244.800		43.524.000	10.881.000		135.649.800
5	Huỳnh Hóa	Nam	01-01-1965	30/6/2026	1,55		2.901.600		2.901.600		81.607.500	10.881.000		95.390.100
6	Nông Thị Thảo	Nữ	05-10-1970	30-06-2026	1,55		69.638.400		69.638.400		40.803.750	10.881.000		121.323.150

Kst

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tính gián biên chế	Phụ cấp tháng hiện hưởng (hệ số phụ cấp)	Số tiền hỗ trợ đối với người nghỉ ngay theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)					Số tiền hỗ trợ đối với người đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định nghỉ ngay theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)	Tổng cộng tiền hỗ trợ được nhận (đồng)	
						Số tiền trợ cấp 1 lần (đồng)	Trong đó			Trợ cấp theo số năm công tác (đồng)			Trợ cấp tìm việc làm (đồng)
							Dưới 05 năm công tác (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (đồng)				
7	Trịnh Ngọc Tư	Nam	01/04/1967	30-06-2026	1,55	98.654.400		98.654.400		81.607.500	10.881.000		191.142.900
8	Hoàng Thị Mây	Nữ	15-05-1970	30-06-2026	1,55	43.524.000		43.524.000		40.803.750	10.881.000		95.208.750
9	Trần Viết Linh	Nam	22/12/1972	30-06-2026	1,55	121.867.200		121.867.200		114.250.500	10.881.000		246.998.700
10	Nguyễn Văn Hỷ	Nam	30/11/1972	30-06-2026	1,55	118.965.600		118.965.600		119.691.000	10.881.000		249.537.600
III	Chế độ đối với người có từ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (điểm c khoản 1 Điều 10 ND 154)					2.909.088.000	-	-	2.909.088.000	1.175.674.500	181.818.000	-	4.266.580.500
1	Nguyễn Văn Toàn	Nam	08-01-1969	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	103.369.500	10.881.000		288.346.500
2	Nguyễn Văn Thùy	Nam	10/01/1982	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	35.363.250	10.881.000		220.340.250
3	Nguyễn Ngọc Ánh	Nam	02-02-1970	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	97.929.000	10.881.000		282.906.000
4	Hoàng Văn Thái	Nam	12-03-1970	30-06-2026	1,4	157.248.000			157.248.000	88.452.000	9.828.000		255.528.000
5	Nguyễn Thành Nam	Nam	11-08-1979	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	35.363.250	10.881.000		220.340.250
6	Nguyễn Anh Vinh	Nam	08/11/1979	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	97.929.000	10.881.000		282.906.000
7	Trần Đức Diện	Nam	06/09/1982	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	62.565.750	10.881.000		247.542.750
8	Trần Thị Vân	Nữ	08/03/1975	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	57.125.250	10.881.000		242.102.250
9	Võ Đình Cường	Nam	05/12/1978	30-06-2026	1,4	157.248.000			157.248.000	34.398.000	9.828.000		201.474.000
10	Võ Văn Hạnh	Nam	15/03/1983	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	81.607.500	10.881.000		266.584.500
11	Trần Thị Thanh	Nữ	28/03/1973	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	54.405.000	10.881.000		239.382.000
12	Cao Thành Trung	Nam	12/10/1979	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	84.327.750	10.881.000		269.304.750
13	Đinh Lục Hồng Quảng	Nam	17/10/1975	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	54.405.000	10.881.000		239.382.000
14	Hà Văn Thuận	Nam	03/04/1970	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	87.048.000	10.881.000		272.025.000

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tính gián biên chế	Phụ cấp tháng hiện hưởng (hệ số phụ cấp)	Số tiền hỗ trợ đối với người nghỉ ngay theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)					Số tiền hỗ trợ đối với người đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định nghỉ ngay theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)	Tổng cộng tiền hỗ trợ được nhận (đồng)	
						Số tiền trợ cấp 1 lần (đồng)	Trong đó			Trợ cấp theo số năm công tác (đồng)			Trợ cấp tìm việc làm (đồng)
							Dưới 05 năm công tác (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (đồng)				
15	Hoàng Văn Thái	Nam	16/11/1975	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	122.411.250	10.881.000		307.388.250
16	Triệu Huy Hoàng	Nam	15/03/1990	30-06-2026	1,55	174.096.000			174.096.000	54.405.000	10.881.000		239.382.000
17	Triệu Thị Lăng	Nữ	23/09/1981	30-06-2026	1,4	157.248.000			157.248.000	24.570.000	9.828.000		191.646.000
IV	Chế độ đối với người đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định nghỉ ngay theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)											958.230.000	958.230.000
1	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	12-10-1960	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
2	Bành Trọng Định	Nam	07-09-1958	30-06-2026	1,4							49.140.000	49.140.000
3	Phạm Văn Dân	Nam	01-01-1959	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
4	Tạ Ngọc Tân	Nam	25-09-1964	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
5	Nguyễn Thành Trung	Nam	15/10/1963	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
6	Trần Bình Trọng	Nam	03-03-1962	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
7	Trần Trung Chánh	Nam	10-02-1958	30-06-2026	1,4							49.140.000	49.140.000
8	Nguyễn Thị Biên	Nữ	23-03-1958	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
9	Trần Thị Dung	Nữ	24/10/1967	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
10	Huỳnh Công Dũng	Nam	29-05-1960	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
11	Mai Thị Kiều	Nữ	04-04-1968	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
12	Bùi Thị Thiệp	Nữ	03-02-1969	30-06-2026	1,55							54.405.000	54.405.000
13	Lê Văn Vỹ	Nam	10-03-1954	30-06-2026	1,4							49.140.000	49.140.000
14	Hồ Tồn	Nam	01-05-1945	30-06-2026	1,4							49.140.000	49.140.000

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm tính gián biên chế	Phụ cấp tháng hiện hưởng (hệ số phụ cấp)	Số tiền hỗ trợ đối với người nghỉ ngay theo khoản 1 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)					Số tiền hỗ trợ đối với người đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định nghỉ ngay theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (đồng)	Tổng cộng tiền hỗ trợ được nhận (đồng)	
						Số tiền trợ cấp 1 lần (đồng)	Trong đó			Trợ cấp theo số năm công tác (đồng)			Trợ cấp tìm việc làm (đồng)
							Dưới 05 năm công tác (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (đồng)	Đủ 05 năm công tác, có tuổi đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (đồng)				
15	Cao Chí Thanh	Nam	05-04-1964	30-06-2026	1,55						54.405.000	54.405.000	
16	Cao Quang Cảnh	Nam	15/11/1965	30/6/2026	1,55						54.405.000	54.405.000	
17	Trần Đăng Tuyển	Nam	03-11-1966	30/6/2026	1,55						54.405.000	54.405.000	
18	Trần Thanh Hùng	Nam	10-10-1969	30-06-2026	1,55						54.405.000	54.405.000	

[illegible]

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú